

Bản án số: **83/2022/HS-ST**
Ngày: 11 - 03 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Tiến

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Chí Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2021 và thông báo mở lại phiên tòa số 15/2022/TB-TA ngày 18/02/2022, đối với bị cáo:

Lê Văn Hữu K; sinh ngày 27/7/1982. Tại B, tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà 33 đường D, khu phố 5, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T và bà Huỳnh Thị N (đã chết); Anh chị em ruột: có 09 người, lớn nhất 65 tuổi, nhỏ nhất 42 tuổi; Vợ: Nguyễn Thị Mỹ N1, sinh năm 1990; Con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/11/2020 đến ngày 09/11/2020 được tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Quách Hữu T, sinh năm 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà B41-50 đường N2, khu đô thị C, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại T: Luật sư Đường Minh Quang, thuộc văn phòng luật sư Minh Quang – Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ **Trần Thị U, sinh năm 1968 (Có đơn xin vắng mặt)**

Địa chỉ: Số nhà B41-50 đường N2, khu đô thị C, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

+ **Trương Mỹ T2, sinh năm 1971 (Có mặt)**

Địa chỉ: Số nhà 25 đường X, khu phố T1, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang

+ **Nguyễn Thị Mỹ N1 (vợ bị cáo), sinh năm 1990 (Có mặt)**

Địa chỉ: Số nhà 33 đường D, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

+ **Ngụy Ngọc N2 (Ky)(vợ bị hại), sinh năm 1998 (Có mặt)**

HKTT: Số nhà 31 đường D, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà B41-50 đường N2, khu đô thị C, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

+ **Lê Văn T1, sinh năm 1994, (Có đơn xin vắng mặt)**

Địa chỉ: Ấp B1, xã H1, huyện M, tỉnh Kiên Giang

+ **Trần Út C1, sinh năm 1969 (Có đơn xin vắng mặt)**

Địa chỉ: Số nhà 33/4 đường D, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang

- *Người làm chứng: Đỗ Đức Q, sinh năm 1970 (Vắng mặt)*

Địa chỉ: Số nhà 87 đường K1, phường T3, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 03/11/2020, sau khi dự tiệc xong thì Lê Văn Hữu K đi về nhà tại số 33 đường D, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Sau đó, K lấy 01 cây kéo dài 22cm có tay cầm ốp nhựa màu đỏ, lưỡi bằng kim loại và 01 cây dao Thái Lan dài 21,5cm cán bằng nhựa, lưỡi bằng kim loại bỏ vào túi quần bên phải K đang mặc để cất tia cây kiềng trước nhà mình. Lúc K xịt nước vào cạnh hàng rào thì vắng trúng vào người Ngụy Ngọc N2 đang đứng ở nhà kế bên thì N2 lên tiếng nói “làm gì xịt nước trúng vào người tao” và K trả lời “nhà mày nuôi nhiều chó mà không dọn dẹp gây hôi thối” nên hai bên xảy ra cự cãi. Khoảng 05 phút sau, Quách Hữu T (chồng của chị N2) thấy vậy nên qua nhà gặp K hỏi “sao xịt nước trúng vào người vợ tôi” thì K trả lời “nhà mày nuôi chó hôi thối nên tao xịt nước chứ không có xịt vào người vợ mày, có gì kêu người lớn nói chuyện” rồi K kêu T đi về nhà. Sau khi T về nhà thì K cùng với vợ là Nguyễn Thị Mỹ N1 đi qua nhà T tại số 31 đường D, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang để nói chuyện và hai bên tiếp tục xảy ra cự cãi, đánh nhau. Khi đánh nhau K dùng tay trái câu cổ T và lấy cây kéo trong túi quần ra đâm trúng vào lưng vai trái của T 01 nhát, trúng vào vùng hông (hạ sườn) 01 nhát, trúng vào cánh tay trái 02 nhát và trúng vào đùi trái 02 nhát gây thương tích. Lúc này, ông Trần Út C1 và anh Lê Văn T1 thấy đánh nhau

nên cả hai vào can ngăn thì ông C1 và anh T1 bị K quơ cây kéo trúng vào cánh tay trái của mỗi người 01 nhát gây thương tích (cả hai không yêu cầu xử lý hình sự đối với K). Trong lúc giằng co cây kéo trên tay của K rơi xuống mặt đường nên K tiếp tục lấy cây dao trong túi quần ra cầm trên tay đuổi theo T thì T bỏ chạy nên không gây được thương tích cho T nữa. Lúc này, T1 và N1 giật lấy cây dao của K đang cầm trên tay cất giữ. Ngoài ra, trong lúc K, T đánh nhau thì chị N1 và chị N2 cũng xông vào đánh nhau bằng tay nhưng do thương tích nhẹ nên cả hai không yêu cầu xử lý hình sự. Sự việc xảy ra, Quách Hữu T bị thương nên được gia đình đưa đi cấp cứu, đến ngày 11/11/2020 T làm đơn yêu cầu giám định thương tích và khởi tố vụ án hình sự đối với K. Đến ngày 14/12/2020, Lê Văn Hữu K bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố G khởi tố và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (Bút lục số 49, 109, 117, 121 đến 123, 127, 135 đến 138, 142 đến 145).

*** Vật chứng trong vụ án:** 01 (Một) cây kéo dài 22cm, cân nặng 180gam, có tay cầm ốp nhựa màu đỏ, lưỡi bằng kim loại (đã qua sử dụng); 01 (Một) cây dao Thái Lan dài 21,5cm, có cán cầm bằng nhựa dài 10cm, lưỡi bằng kim loại dài 11,5 cm (đã qua sử dụng) (Bút lục số 55, 67).

*** Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 638/TgT** ngày 14/12/2020 của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh Kiên Giang, kết luận về thương tích của bị hại Quách Hữu T như sau (bút lục số 106):

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo phần mềm vùng lưng – vai trái, vùng hông (hạ sườn) trái, vùng cánh tay trái (02 vết), vùng đùi trái (02 vết) và sẹo phẫu thuật; Tổn thương màng phổi trái, đã được điều trị. Hiện còn dày dính màng phổi tại điểm dẫn lưu màng phổi trái.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 16%.

3. Vật gây thương tích: Vật có cạnh góc nhọn; vật chứng (cây kéo) gửi giám định gây được các thương tích trên.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo K và bị hại anh T thừa nhận đã bồi thường chi phí điều trị thương tích cho bị hại T số tiền 16.000.000 đồng xong không yêu cầu thêm. Ngoài ra, anh T tiếp tục yêu cầu bị cáo K bồi thường các chi phí khác với tổng số tiền là 175.000.000 đồng, cụ thể:

- Thu nhập chạy xe thuê trung bình 01 ngày 700.000 đồng x 10 ngày = 7.000.000 đồng;

- Thu nhập kinh doanh quán cà phê 01 ngày 200.000 đồng x 360 ngày = 72.000.000 đồng;

- Tiền người nuôi bệnh, tiền tàu xe đi lại, tiền ăn uống của 01 người 600.000 đồng/ngày x 10 ngày = 6.000.000 đồng;

- Tiền tổn thất tinh thần là 40.000.000 đồng.

- Tiền bồi thường phục hồi chức năng do sức khỏe bị mất và mất khả năng vận động số tiền 50.000.000 đồng.

Bị cáo K chỉ đồng ý bồi thường các phí phí trên cho bị hại anh T với số tiền 40.900.000 đồng (hiện đã nộp số tiền 30.900.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố G). Số tiền còn lại 134.100.000 đồng bị cáo không đồng ý bồi thường cho bị hại.

Trong quá trình điều tra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ Ngụy Ngọc N2, chị Nguyễn Thị Mỹ N1, anh Lê Văn T1, anh Trần Út C1 không yêu cầu xử lý hình sự cũng như bồi thường gì khác.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của giám định pháp y về thương tích nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 72/CT-VKSRG, ngày 05 tháng 4 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Lê Văn Hữu K về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự (vì thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với bản kết luận điều tra của Cơ quan điều tra Công an thành phố G và bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn Hữu K phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn Hữu K 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (Bốn) năm.

Về phần dân sự: Bị cáo K và bị hại anh T thừa nhận đã bồi thường chi phí điều trị thương tích cho bị hại T số tiền 16.000.000 đồng xong không yêu cầu thêm đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với số tiền bị hại anh T yêu cầu tiếp tục bồi thường tổng cộng 175.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Lê Văn Hữu K phải bồi thường cho bị hại anh T các khoản gồm:

Thu nhập kinh doanh quán cà phê số tiền 1.800.000 đồng; Tiền người nuôi bệnh, tiền tàu xe đi lại, tiền ăn uống của 01 người 600.000 đồng x 10 ngày = 6.000.000 đồng; Tiền người nuôi bệnh, tiền tàu xe đi lại, tiền ăn uống của 01 người 600.000 đồng x 10 ngày = 6.000.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần là 15 lần tháng lương cơ sở.

Bác yêu cầu của anh T đối với các khoản chi phí gồm: Thu nhập chạy xe thuê trung bình 01 ngày 700.000 đồng x 10 ngày = 7.000.000 đồng; Tiền bồi thường phục hồi chức năng do sức khỏe bị mất và mất khả năng vận động số tiền 50.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, tiêu hủy 01 (Một) cây kéo dài 22 cm, cân nặng 180 gam, có tay cầm ốp nhựa màu đỏ, lưỡi bằng kim loại (đã qua sử dụng); 01 (Một) cây dao Thái lan dài 21,5 cm, có cán cầm nhựa dài 10cm, lưỡi bằng kim loại dài 11,5 cm (đã qua sử dụng) (Theo Quyết định chuyển vật chứng số 64/QĐ-VKS ngày 05/4/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang).

* Luật sư Đường Minh Quang bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại Quách Hữu T phát biểu quan điểm: Thống nhất về tội danh mà Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G truy tố đối với bị cáo Lê Văn Hữu K theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn Hữu K 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm đối với bị cáo là chưa thể hiện được hết tính côn đồ và quyết tâm thực hiện phạm tội đến cùng của bị cáo và tại phiên tòa bị cáo không thành thật khai báo hành vi của mình, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và đề nghị áp dụng thêm 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm d và điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án cao nhất của khung hình phạt là 06 (Sáu) năm tù.

Đối với trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Lê Văn Hữu K bồi thường cho bị hại Quách Hữu T tổng số tiền 175.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Thu nhập chạy xe thuê trung bình 01 ngày 700.000 đồng x 10 ngày = 7.000.000 đồng;
- Thu nhập kinh doanh quán cà phê 01 ngày 200.000 đồng x 360 ngày = 72.000.000 đồng;
- Tiền người nuôi bệnh, tiền tàu xe đi lại, tiền ăn uống của 01 người 600.000 đồng x 10 ngày = 6.000.000 đồng;
- Tiền tổn thất tinh thần là 40.000.000 đồng.
- Tiền bồi thường phục hồi chức năng do sức khỏe bị mất và mất khả năng vận động số tiền 50.000.000 đồng.

*** Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại,

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn Hữu K: Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 03/11/2020, tại trước nhà số 31 đường D, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang giữa bị cáo Lê Văn Hữu K và bị hại Quách Hữu T xảy ra cự cãi dẫn đến đánh nhau. Trong lúc giằng co bị cáo K lấy cây kéo trong túi quần đang mặt ra đâm anh T nhiều nhất trúng vào lưng vai trái 01 nhát, trúng vào vùng hông (hạ sườn) 01 nhát, trúng vào cánh tay trái 02 nhát và trúng vào đùi trái 02 nhát gây thương tích (Qua giám định tổn thương cơ thể gây nên là 16%). Đến ngày 14/12/2020, Lê Văn Hữu K bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố G khởi tố.

Từ những chứng cứ đã nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Lê Văn Hữu K phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự (vì thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự) như kết luận của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường cho bị hại được số tiền 46.900.000 đồng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Qua xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đối chiếu quy định của Bộ luật Hình sự cho thấy bị cáo đủ điều kiện áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử quyết định cho bị cáo hưởng một mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp quy định pháp luật.

Xét về hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện tội phạm có ý thức và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bản thân bị cáo cũng nhận thức được rằng tính mạng, sức khỏe con người là vốn quý, luôn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm trái phép đều bị xử lý nghiêm minh. Mặc dù giữa bị hại và bị cáo xảy ra mâu thuẫn trong việc nuôi chó gây hôi thối và bị cáo xịt nước văng qua nhà bị hại anh T dẫn đến cự cãi đánh nhau nên bị cáo thể hiện tính hung hãn của mình đã dùng cây kéo (là loại hung khí nguy hiểm) đâm nhiều nhất trúng vào người bị hại gây thương tích. Hành vi phạm tội của bị cáo trực tiếp xâm phạm trái phép đến sức khỏe của bị hại, thể hiện sự xem thường tính mạng sức khỏe của người khác, xem thường pháp luật, từ hành vi

này của bị cáo còn ảnh hưởng lâu dài đến cuộc sống của bị hại, gây dư luận xôn xao và bất bình trong quần chúng nhân dân làm tăng thêm sự phức tạp về tình hình trật tự trị an địa phương. Qua xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị hại yêu cầu xử phạt bị cáo theo đúng quy định pháp luật; Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất xử phạt bị cáo mức án tương xứng bằng hình phạt tù có thời hạn, giam giữ bị cáo trong thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, sống có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đã cho thấy sau khi gây án bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Văn Hữu K và bị hại anh Quách Hữu T thống nhất các khoản chi phí điều trị thương tích cho bị hại số tiền 16.000.000 đồng đã bồi thường xong, không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ngoài ra, bị hại anh T yêu cầu bị cáo K bồi thường thêm các chi phí khác với tổng số tiền là 175.000.000 đồng.

Do hai bên không thống nhất được phần bồi thường trách nhiệm dân sự, so với quy định của pháp luật thì yêu cầu của bị hại là hơi cao, do đó Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 590 Bộ luật Dân sự tính lại cho phù hợp, cụ thể như sau:

- Thu nhập kinh doanh quán cà phê 01 ngày 200.000 đồng x 60 ngày = 12.000.000 đồng (Có giấy phép đăng ký kinh doanh); Ngoài ra, bị hại xác định quán cà phê hoạt động kinh doanh đến tháng tháng 06 năm 2021 mới ngưng hoạt động nên việc bồi thường mất thu nhập với số tiền trên là phù hợp.

- Tiền người nuôi bệnh, tiền tàu xe đi lại, tiền ăn uống của 01 người là 600.000 đồng/ngày x 10 ngày = 6.000.000 đồng;

- Tiền tổn thất tinh thần là: 14 tháng Lương cơ sở 1.490.000 đồng x 14 tháng = 20.860.000 đồng.

Tổng cộng: 38.860.000 đồng. Buộc bị cáo Lê Văn Hữu K phải bồi thường cho bị hại Quách Hữu T.

Bị cáo K đã nộp số tiền bồi thường thiệt hại 30.900.000 đồng (tại biên lai thu số 08085 ngày 05/05/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố G). Tại phiên tòa bị cáo K tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại anh T số tiền 10.000.000 đồng. Tổng cộng 40.900.000 đồng. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Các khoản yêu cầu của bị hại anh Quách Hữu T bị bác gồm:

- Thu nhập chạy xe thuê trung bình 01 ngày 700.000 đồng x 10 ngày = 7.000.000 đồng. (Không có chứng cứ chứng minh)

- Tiền bồi thường phục hồi chức năng do sức khỏe bị mất và mất khả năng vận động số tiền 50.000.000 đồng. (Không có căn cứ)

[7] Theo bản luận tội mà Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G đề nghị mức hình phạt còn nhẹ chưa đủ tính răn đe đối với hành vi của bị cáo nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình. Về trách nhiệm dân sự xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G là phù hợp nên ghi nhận.

[8] Theo bản phát biểu cũng như đề nghị của vị luật sư Đường Minh Quang bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại Quách Hữu T Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là phù hợp, ngoài ra luật sư đề nghị không áp dụng điểm s đối với bị cáo do không thành thật trong cai báo đồng thời đề nghị áp dụng điểm d, e khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự tuyên bị cáo K mức án cao nhất của khung hình phạt là 06 năm tù. Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các lời tại phiên tòa cho thấy đề nghị của luật sư không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đối với đề nghị của luật sư người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại anh Quách Hữu T.

Đối với lời khai nại của chị Trương Mỹ T2 có nhờ Đỗ Đức Q đưa tiền bồi thường sức khỏe cho Quách Hữu T (bà Trần Thị U mẹ ruột anh T nhận) số tiền 200.000.000 đồng, nhưng bà Trần Thị U trình bày có nhận bọc tiền do anh Q đưa nhưng không biết trong bọc có số tiền bao nhiêu và sau đó bà U đã đưa bọc tiền trả lại cho anh Q. Do tại phiên tòa chị T2 không có ý định nhận lại số tiền trên và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này giữa hai bên có tranh chấp và có chứng cứ thì có quyền yêu cầu khởi kiện thành 01 vụ án dân sự khác.

Trong quá trình điều tra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngụy Ngọc N2, chị Nguyễn Thị Mỹ N1, anh Lê Văn T1, anh Trần Út C1 không yêu cầu xử lý hình sự cũng như bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 (Một) cây kéo dài 22 cm, cân nặng 180 gam, có tay cầm ốp nhựa màu đỏ, lưỡi bằng kim loại (đã qua sử dụng); 01 (Một) cây dao Thái lan dài 21,5 cm, có cán cầm nhựa dài 10cm, lưỡi bằng kim loại dài 11,5 cm (đã qua sử dụng).

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 40.900.000 đồng x 5% = 2.045.000 đồng (Hai triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Anh Quách Hữu T phải chịu án phí đối với số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận là 134.100.000 đồng x 5% = 6.750.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Lê Văn Hữu K phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Lê Văn Hữu K 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 03/11/2020 đến ngày 09/11/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 590 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Văn Hữu K bồi thường cho bị hại anh Quách Hữu T số tiền 40.900.000 đồng (*Bốn mươi triệu chín trăm nghìn đồng*). Bị cáo K đã nộp số tiền 30.900.000 đồng (*Ba mươi triệu chín trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 08085 ngày 05/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang, bị cáo K tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho anh T là 10.000.000 đồng, sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Hai bên tự giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy 01 (Một) cây kéo dài 22 cm, cân nặng 180 gam, có tay cầm ốp nhựa màu đỏ, lưỡi bằng kim loại (đã qua sử dụng); 01 (Một) cây dao Thái lan dài 21,5 cm, có cán cầm nhựa dài 10cm, lưỡi bằng kim loại dài 11,5 cm (đã qua sử dụng) (Theo Quyết định chuyển vật chứng số 64/QĐ-VKS ngày 05/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang)

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Buộc bị cáo Lê Văn Hữu K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm 2.045.000 đồng (*Hai triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*).

Anh Quách Hữu T phải chịu án phí 6.750.000 đồng (*Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/03/2022). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan THA Dân sự Tp.G;
- Công an thành phố G;
- Bị cáo, người TGT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Thùy Linh